

Bản án số: 09/2023/DS-PT
Ngày 13 - 9 - 2023
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Toàn

Ông Trương Quyết Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Lò Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 21/2023/TLPT - DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 về: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXPT - DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị MTX- Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 2, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông TMH, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 007 phố Tân Thuật, tổ 22, phường CL, tpLC, TLC Có mặt.

Bị đơn: Ông NĐI, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ 1, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn: Bà LTH, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ 1, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông NĐI

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các bản khai của nguyên đơn chị MTX và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Hộ gia đình anh GAC và chị MTX có thửa đất diện tích khoảng 3.100m², tại tổ 2, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai. Nguồn gốc thửa đất trên là do bố chồng chị MTX (ông GAV đã chết năm 2008) khai phá từ năm 1979. Trong quá trình sử dụng theo tập quán của người H'Mông canh tác, sử dụng một thời gian đất bạc màu, lại cho nghỉ tái tạo, cũng có mấy người mượn canh tác, trong đó có gia đình I canh tác một đến hai năm. Đến năm 1995-1996 thì ông V cho anh GAC và chị MTX canh tác, sử dụng. Năm 2013 nhà nước có chính sách đo đạc, năm 2018 nhà nước đã nghiệm thu bản đồ, thửa số 293, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm, quy chủ cho anh GAC (chồng bà X) sau khi anh C chồng chị X chết, chị X vẫn tiếp tục sử dụng thửa đất trên. Đến cuối năm 2021, chị X chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác, thì bị gia đình ông NĐI và bà LTH ngăn cản, không ký hộ giáp ranh, nên xảy ra tranh chấp. Ông NĐI đã đề nghị UBND phường Sa Pả, thị xã Sa Pa giải quyết, qua hòa giải hai bên không thỏa thuận được với nhau, chị MTX đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giải quyết. Buộc hộ gia đình ông NĐI phải chấm dứt hành vi tranh chấp, cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất, tại thửa đất số 293 tờ bản đồ số DC-18 có diện tích khoảng 3.100m² tại tổ 2, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai. Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2023, chị X thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông NĐI phải chấm dứt hành vi tranh chấp, cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất là 2.750,2m², địa chỉ tổ 2, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai có tứ cận và tọa độ như kết quả xem xét tại chỗ ngày 11/01/2023 của TAND thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông NĐI, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà LTH đều trình bày:

Năm 1992 gia đình ông NĐI và bà LTH khai phá và mua của ông Giàng A V, ông Giàng A L diện tích đất trồng ngô tất cả khoảng 03 ha. Năm 1996 gia đình I lại mua tiếp diện tích đất trồng ngô giáp ranh của ông GAV và ông GATR với diện tích khoảng 2,1ha. Tổng diện tích đất của gia đình I tự khai phá và mua lại của ông V, ông L, ông T khoảng 05 ha. Diện tích đất trên có chiều dài theo mặt đường quốc lộ 4D khoảng gần 300m, tính từ đường vào kho Lâm trường cũ theo hướng Sa Pa đi Lào Cai, chiều sâu từ hành lang đường quốc lộ 4D về phía ta luy âm điểm sâu nhất khoảng gần 100m, ngắn nhất khoảng 30m. Quá trình sử dụng đất năm 1996 đã được UBND xã Sa Pả xác nhận. Năm 2008 gia đình I đã ký hợp đồng trồng rừng sản xuất với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Sa Pa cụ thể là trồng 2.000 cây Sa Mộc trên diện tích đất là 3,2 ha, diện tích đất còn lại gia đình ông trồng ngô, cây đào và đào hào từ đường quốc lộ xuống nương nước làm ranh giới. Năm 2000 xã Sa Pả thu lại khoảng 5000m² đất của gia đình ông cho xã Đoàn mượn để trồng ngô, xã Đoàn trồng ngô được khoảng 02 năm

thì bỏ hoang, đến khoảng năm 2006 ông GAS(bố anh GAL) đã tự ý làm nhà lên khu đất xã Sa Pa thu hồi của gia đình ông để cho xã Đoàn mượn, ông đã nhiều lần đề nghị đến UBND xã Sa Pa nhưng không được giải quyết. Trong quá trình sử dụng do đất rộng không có người làm, nên gia đình I đã cho một số người mượn đất để trồng ngô, trong đó vào khoảng năm 2015 gia đình anh GAC và chị MTXmượn khoảng 5.000 m² đến 6.000 m² trồng ngô được hai đến ba vụ, I đòi lại cho vợ chồng chị MTXvà anh GAT mượn. Đến năm 2018 vợ chồng anh GAC và chị MTXcho rằng diện tích đất trên có nguồn gốc do ông GAV(bố anh GAC) khai phá từ năm 1979, nên đã tự ý canh tác, I đã đề nghị UBND xã Sa Pa giải quyết, xã Sa Pa đã hòa giải không thành. Từ đó gia đình chị X vẫn cố tình chiếm hữu, sử dụng. Đến năm 2021 chị X đã bán diện tích đất của gia đình ông cho vợ chồng chị VTT trú tại tổ 1, phường SP, txSP, tỉnh Lào Cai. Ông I đã làm đơn đề nghị UBND phường Sa Pa giải quyết việc tranh chấp, qua hòa giải hai bên không thỏa thuận được với nhau. Mặt khác do ông không ký xác nhận của hộ giáp ranh, nên chị T không làm thủ tục chuyển nhượng được, do vậy chị MTX mới khởi kiện ông.

Bị đơn và người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng về phía bị đơn khẳng định diện tích đất theo kết quả đo đạc và xem xét tại chỗ là 2,750,2 m² tại tổ 2, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai, có nguồn gốc do gia đình bị đơn khai phá từ lâu, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 04/7/2023 của TAND thị xã Sa Pa quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều; Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai 2013 và các Điều 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 235; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Má Thị X.

2. Xác nhận diện tích đất 2.750,2 m² là loại đất trồng cây lâu năm (CLN), trong đó có 2,630,2 m² nằm trong thửa đất số 293, quy chủ mang tên GAC, theo kết quả đo đạc ngày 11/01/2023, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, phường SP, TXSP tỉnh Lào Cai. Thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình anh GAC và chị MTX. đất có tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc: Giáp hành lang an toàn giao thông quốc lộ 4D và một phần thửa đất đang tranh chấp giữa ông NĐI và anh GAL.

- Phía Đông Bắc: Giáp thửa đất số 209, DC 18, quy chủ cho ông GASvà một phần thửa đất đang tranh chấp giữa ông NĐI và anh GAL.

- Phía Đông Nam: Giáp nương nước (Có ranh giới là hàng rào bằng cây tre).

- Phía Tây Nam: Giáp phần đất còn lại của thửa đất số 293, quy chủ cho ông GAC (ranh giới hàng rào cột bê tông, dây thép gai).

Buộc ông NDI và bà LTH chấm dứt việc tranh chấp, cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với toàn bộ diện tích đất 2.750,2 m² nêu trên.

Hộ gia đình chị MTX có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2023, Bị đơn ông NDI kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án, xét xử công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông NDI, vợ là bà LTH và buộc bà MTX phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình I, ngoài ra I còn đề nghị công nhận diện tích đất khoảng 5ha như đã được UBND xã Sa Pa (cũ) xác nhận thuộc quyền sử dụng của gia đình ông NDI.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà MTX giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn ông NDI giữ nguyên nội dung kháng cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng quy định khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng. Tại phiên phúc thẩm nguyên đơn vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo bị đơn ông NĐI có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, trong thời hạn luật định là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông NĐI

[3.1] Việc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông NĐI, vợ là bà LTH và buộc bà MTX phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình ông Ích

[3.1.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Ông NĐI và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn bà LTH cho rằng thửa đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất do gia đình bị đơn khai phá và sử dụng từ năm 1992, năm 1993 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng có cho một số người mượn đất để trồng ngô. Tuy nhiên, lời khai của bị đơn không thống nhất với nhau. Tại bản tự khai (BL 89) *“khoảng năm 2015-2016 anh GAC là chồng của chị MTX có hỏi tôi mượn một phần diện tích đất giáp từ nhà ông Sinh kéo thẳng lên giáp đường quốc lộ 4D và kéo dài theo hướng đi thị xã Sa Pa”*; tại Lời phản tố (BL 58) *“Khoảng năm 2013 anh GAC có mượn của tôi trồng ngô một năm”*; Tại biên bản lấy lời khai (BL 102) *“năm 2013 gia đình anh GAC và chị MTX mượn khoảng 5.000 m² đến 6.000 m² trồng ngô”*. Năm 2018 vợ chồng anh GAC và chị MTX cho rằng diện tích đất trên có nguồn gốc do ông GAV (bố anh GAC khai phá từ năm 1979, nên đã tự ý chiếm hữu, sử dụng từ đó đến nay. Ngoài ra, I cung cấp cho tòa án 01 quyết định về việc cho xã đoàn Sa Pả mượn đất; 01 quyết định thu hồi đất số 01 ngày 13/6/2000 nội dung quyết định: *“thu hồi toàn bộ diện tích đất chỗ biển quảng cáo Victoria đi xuống thuộc địa bàn thôn Sa Pả... do giải quyết tranh chấp giữa bà LTH và ông GAS. Đã đóng trở xuống 100m, nếu không có ý kiến của ủy ban thì không ai được sử dụng trên mảnh đất đó”* Xét thấy, lời khai của bị đơn và tài liệu do bị đơn cung cấp còn có nhiều mâu thuẫn: Quyết định thu hồi đất của UBND xã đã thể hiện rất rõ diện tích đất trên đã được giải quyết, thu hồi giao cho xã quản lý, nhưng I lại cho rằng cho ông GAC mượn đất bằng miệng năm 2013, sau đó gia đình anh L tự ý canh tác. Mặc dù quyết định thu hồi đất năm 2000 của UBND xã là không đúng

thẩm quyền nhưng sau khi ban hành cho đến nay 23 năm, các đương sự cũng không có khiếu nại gì.

Ông I và bà H không đưa ra được căn cứ chứng minh việc đã cho vợ chồng anh GAC và chị MTX mượn đất, đồng thời lời khai cũng không thống nhất việc anh C, chị X mượn đất ở thời điểm nào.

Ông I và bà H cung cấp cho Tòa án 02 giấy cho mượn diện tích đất đang tranh chấp với hai hộ gia đình chị MTX(BL 125, 126 là giấy viết tay phôi, không có công chứng, chứng thực). Cụ thể, ngày 30/3/2016 cho chị MTX trú tại: Thôn Sa Pả, xã Sa Pả, huyện Sa Pa, mượn 2.700m² và ngày 02/4/2016 cho anh Giàng A Tính cũng cùng thôn Sa Pả, xã Sa Pả, huyện Sa Pa mượn khoảng 3.000m², nhưng qua lời khai của chị MTX(BL118), lời khai của anh GAT (BL113) lời khai của anh GAT(chồng chị Má Thị Xi) (BL114) trong hồ sơ vụ án, chị Xi, anh Tỏa và anh Tính đều khẳng định chưa bao giờ mượn đất của vợ chồng I và bà H, trong giấy viết mượn đất thể hiện bà MTX chứ không phải bà Má Thị Xi, đồng thời ông GAT là chồng của bà MTX cũng khẳng định bà X không biết chữ, chỉ điểm chỉ nhưng giấy mượn đất viết tay lại có chữ ký của bà X. Do vậy, tài liệu này không có căn cứ để xem xét.

Đối với GCNQSDĐ do UBND huyện Sa Pa cấp ngày 30/7/1993 mang tên ông NDI (Đất ở, diện tích 100m²). Diện tích đất tranh chấp là đất trồng cây hàng năm nên không có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp đã được cấp GCNQSDĐ cho I.

Lời khai của những người làm chứng ông GAS(BL 112), anh GAT(BL114) anh Giàng A Tính (BL113) đều trình bày nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình I với gia đình anh C và chị X, do ông GAV(bố anh GAC) khai phá sử dụng từ lâu, cũng có thấy một số người thay nhau sử dụng để trồng ngô như ông Giàng A Sinh, Hầu A V và gia đình I (do thời gian đã lâu không nhớ thời gian cụ thể), còn có việc mua bán hay mượn đất giữa ông V và những người này hay không họ không biết. Do vậy, không có căn cứ để xác định thửa đất đang tranh chấp là do ông NDI và bà Nguyễn Thị Hòai khai phá từ năm 1992 và mua lại của người khác qua các năm.

[3.1.2] Về quá trình sử dụng đất:

I cung cấp 01 đơn xin tham gia dự án đầu tư hỗ trợ trồng rừng sản xuất, hợp đồng trồng rừng sản xuất với Ban quản lý rừng phòng hộ Sa Pa giao cho hộ ông I trồng cây Sa Mộc. Tuy nhiên, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định diện tích đất tranh chấp không có cây Sa mộc. Qua lời khai của những người làm chứng, nguyên đơn thì thửa đất tranh chấp từ trước đến nay chỉ trồng ngô và lạc, không có ai trồng cây Sa mộc (Thông gai). Tại lời khai của anh GAT(BL 114) thì chỉ thấy nhà I trồng cây Sa Mộc ở đất gần nhà I chứ không phải hiện đang tranh chấp của hai nhà. Tại lời khai của một số người làm chứng:

Năm 2008 ông GAVchết vợ chồng anh GAC và chị MTXtiếp tục sử dụng cho đến nay, Chỉ có lời khai của ông GAS(BL110, 111) khai nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa I và chị X là do ông khai phá, sau đó cho ông GAV(bố anh GAC) mượn làm một thời gian đất bạc màu, ông V không làm nữa, I mượn lại ông V, I trồng cây đào nhưng do không chăm sóc được cây đào chết hết, ông Sinh đòi lại đất, I cho rằng đã mua của ông V, nên xảy ra tranh chấp giữa I và ông Sinh, xã Sa Pả hòa giải không thành, nên đã quyết định không cho ai làm nữa. Đến khoảng năm 2008 gia đình anh C và chị X lại tự ý sử dụng trồng ngô, lạc và quản lý, sử dụng từ đó đến nay, lời khai của ông Sinh cũng không xác nhận thửa đất trên là của gia đình I. Lời khai của các nhân chứng và nguyên đơn phù hợp với nhau về hiện trạng trên đất, quá trình sử dụng từ trước đến nay. Do vậy, có căn cứ để xác định chị MTXcanh tác, trồng cây trên thửa đất đang tranh chấp.

[3.1.3] Việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất:

Trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định năm 2015 nguyên đơn đã đăng ký, kê khai và được nhà nước đo đạc địa chính, đến năm 2018 nhà nước nghiệm thu bản đồ, thửa đất nêu trên đã được quy chủ cho anh GAC (chồng chị X), thửa số 293, tờ bản đồ số 18, loại đất trồng cây lâu năm

Qua kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/01/2023 của TAND thị xã Sa và lồng ghép thì thửa đất đang tranh chấp giữa gia đình chị MTXvà ông NĐI là 2,750,2 m², trong đó có 2,630,2 m² nằm trong thửa đất số 293, quy chủ mang tên GAC (chồng chị Má Thị X) là loại đất trồng cây lâu năm (CLN); có 65,8 m² nằm trong thửa đất số 282 và 38,2 m² nằm trong thửa đất số 251 đều quy chủ mang tên ông GASvà bà Hạng Thị Khu là loại đất trồng lúa nước (LUK); có 5,5 m² nằm trong thửa đất số 209 quy chủ mang tên ông GASvà bà Hạng Thị Khu là loại đất trồng cây hàng năm (NHK) có 10,5 m² nằm trong thửa đất số 226 quy chủ mang tên ông GASvà bà Hạng Thị Khu là loại đất ở đô thị (ODT). Tuy nhiên qua lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp do gia đình chị X quản lý và sử dụng từ lâu, có ranh giới, mốc giới rõ ràng với các thửa đất của các hộ liền kề.

Như vậy, tại bản đồ địa chính, lời khai của nguyên đơn, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có căn cứ để xác định nguyên đơn đã thực hiện việc kê khai với cơ quan có thẩm quyền. Bản đồ địa chính không thể hiện thửa đất trên được quy chủ cho I. Quá trình giải quyết vụ án I không cung cấp được giấy tờ chứng minh về việc đăng ký kê khai hay GCNQSDĐ đối với thửa đất trên.

[3.1.4] Từ những phân tích trên đã đủ căn cứ khẳng định thửa đất đang tranh chấp giữa 02 hộ gia đình ông NĐI và hộ gia đình chị MTXdiện tích là 2.750,2 m², trong đó có 2,630,2 m² nằm trong thửa đất số 293, quy chủ mang tên GAC (chồng chị Má Thị X) là loại đất trồng cây lâu năm (CLN), do hộ gia đình

anh GAC và chị MTX quản lý và sử dụng liên tục từ năm 2008 đến nay. Tại cấp phúc thẩm, ông NDI không bổ sung được thêm tài liệu chứng cứ nào chứng minh thửa đất trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, do vậy yêu cầu kháng cáo của ông NDI Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông NDI, vợ là bà LTH và buộc bà MTX phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất của gia đình I không có căn cứ được xem xét, chấp nhận.

[3.2] Xét nội dung kháng cáo về việc công nhận diện tích đất khoảng 5ha như đã được UBND xã Sa Pả (cũ) xác nhận thuộc quyền sử dụng của gia đình ông NDI.

Xét thấy yêu cầu này của bị đơn là vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu, không nằm trong nội dung thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Do vậy nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo Đơn khởi kiện của chị MTX yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc gia đình ông NDI phải chấm dứt tranh chấp và hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên: Buộc ông NDI và bà LTH chấm dứt việc tranh chấp, cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn đối với toàn bộ diện tích đất 2.750,2 m² theo kết quả đo đạc ngày 11/01/2023, địa chỉ thửa đất tại tổ 2, phường Sa Pả, thị xã Sa Pả, tỉnh Lào Cai thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình hộ gia đình anh GAC và chị MTX

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều khai diện tích đất nêu trên do nguyên đơn đang quản lý sử dụng. Bị đơn không khởi kiện yêu cầu nguyên đơn trả đất tranh chấp, do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là không đúng. Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất thì tại phiên tòa sơ thẩm (BL 221) bị đơn khai đất là của bị đơn khai phá nên khi nguyên đơn sử dụng thì bị đơn có hành vi cản trở quyền sử dụng đất, nhưng cụ thể hành vi cản trở như thế nào thì bị đơn không trả lời. Tại phiên tòa phúc thẩm, khi được hỏi thì bị đơn, người có quyền lợi liên quan cũng chỉ trả lời có hành vi cản trở quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử đã vào nghị án và quyết định quay lại phần tranh tụng. Khi hỏi thì bị đơn, người có quyền lợi liên quan lại khẳng định trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có hành vi cản trở. Từ khi nguyên đơn khởi kiện vụ án đến nay bị đơn không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là không đúng.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy nội dung kháng cáo của ông NĐI yêu cầu cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng đất cho bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, vi phạm tố tụng nên đề nghị kháng cáo của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Mặt khác, như trên đã phân tích xét thấy hiện nay gia đình bị đơn I không có hành vi cản trở việc sử dụng đất và gia đình nguyên đơn chị X vẫn đang quản lý, sử dụng đất nên xét thấy cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông NĐI không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông NĐI.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 21/2023/TLPT - DS ngày 11/8/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông NĐI không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu AC - 21P số 0005232 ngày 24/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã Sa Pa;
- Chi cục THADS TX Sa Pa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long

Phạm Ngọc Toàn

Trương Quyết Thắng

Đặng Phi Long